

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2018/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2018

SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH

ĐẾN số: 3807

Ngày: 25/12/2018

Chuyển

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH  
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tại Tờ trình số 101 /TTr-UBND ngày 22/11/2018 về việc đề nghị thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2018-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2018-2020, cụ thể như sau:

1. Đối với tưới, tiêu, cấp nước trên diện tích trồng lúa do Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp (HTXNN) và các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) tự phục vụ.

STT	Biện pháp	Mức giá dịch vụ	
		Đồng bằng	Miền núi
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.646.000	1.811.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152.000	1.267.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399.000	1.539.000

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực.

đ) Trường hợp tạo nguồn tưới, tiêu bằng biện pháp kết hợp động lực và trọng lực thì mức giá bằng 40% mức chủ động.

e) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

f) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Đối với tưới, tiêu, cấp nước trên diện tích trồng lúa do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh, các Hợp tác xã nông nghiệp và các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cùng phục vụ (Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi tỉnh đã tạo nguồn hoặc chủ động 1 phần).

Đơn vị: đồng/ha/vụ

TT	Biện pháp tưới, tiêu	Mức giá của Công ty TNHH MTV KTCTTL tỉnh				Mức giá của HTXNN và các đơn vị quản lý, KTCTTL khác			
		Vùng đồng bằng		Vùng miền núi		Vùng đồng bằng		Vùng miền núi	
		Tạo nguồn	Chủ động 1 phần	Tạo nguồn	Chủ động 1 phần	Chủ động sau tạo nguồn	Sau chủ động 1 phần	Chủ động sau tạo nguồn	Sau chủ động 1 phần
1	Tưới, tiêu bằng động lực	823.000	987.600	905.500	1.086.600	823.000	658.400	905.500	724.400
2	Tưới, tiêu bằng trọng lực	460.800	691.200	506.800	760.200	691.200	460.800	760.200	506.800
3	Tưới, tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	559.600	839.400	615.600	923.400	839.400	559.600	923.400	615.600
4	Tưới, tiêu bằng lợi dụng thủy triều	322.560	483.840	354.760	532.140	483.840	322.560	532.140	354.760

Trường hợp tạo nguồn tưới, tiêu bằng biện pháp kết hợp động lực và trọng lực thì mức giá bằng 40% mức chủ động.

3. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá bằng 40% mức giá đối với diện tích trồng lúa (theo từng biện pháp công trình).

4. Đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản, mức giá là: 250 đồng/m<sup>2</sup>/mặt thoáng/năm. Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều, mức giá là: 125 đồng/m<sup>2</sup>/mặt thoáng/năm.

5. Đối với tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị: Mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

6. Mức giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều này áp dụng đối với từng biện pháp tưới tiêu, từng vùng và được tính ở vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

7. Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi thông qua tại Nghị quyết này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

**Điều 2.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/12/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. //6

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội; VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HỖND, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Các Ban của HỖND tỉnh;
- Các đại biểu HỖND tỉnh khoá XIV;
- VP: Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, HỖND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ban Thường vụ các huyện, thành uỷ;
- TT HỖND, UBND, UBNDTQVN các huyện, TP;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, Phòng TH.



Trần Hồng Quảng